

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2022/DS-ST

Ngày: 05/7/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Huế;

2. Ông Nguyễn Đức Thanh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2021/TLDS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Dương Thị G, sinh năm 1955 (có mặt);

Địa chỉ: Số 17, đường 457, tổ 2, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Số 97, đường H, ấp 4A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 4 năm 2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thị G trình bày sự việc như sau:

Bà (Dương Thị G) và ông Nguyễn Văn X có quen biết nhau, vào tháng 08/2020, ông X cần tiền vốn để làm ăn nên có hỏi bà để vay tiền, bà không có tiền để cho ông X vay, nhưng vì ông X năn nỉ bà vay giúp nên ngày 15/8/2020 bà có vay tiền của người khác và giao toàn bộ số tiền này cho ông X. Cùng ngày, bà có làm giấy tay cho ông X vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thời hạn

vay là 03 tháng. Tuy nhiên, đã quá thời hạn thanh toán theo Giấy mượn tiền ngày 15/8/2020 nhưng ông X vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho bà. Bà đã nhiều lần gọi điện cho ông X nhưng ông X không nghe máy và cố tình tránh mặt bà. Vì bà đứng ra vay tiền cho ông X nên hàng tháng bà vẫn phải trả lãi cho chủ nợ. Đến nay bà đã trả hết số tiền gốc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) cho chủ nợ. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông X phải trả lại bà số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi đến nay là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Thời điểm bà cho ông X vay tiền, ông X đã ly hôn vợ nên bà chỉ yêu cầu một mình ông X trả nợ cho bà và trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực, ngoài ra bà không yêu cầu ai khác.

Khi vay tiền, ông X có thể chấp cho bà bản chính sổ hộ khẩu của ông X và bản chính hợp đồng thuê vị trí mặt bằng phố chợ Vĩnh Tân.

Chồng bà đã chết đến nay hơn 30 năm.

Từ lúc vay tiền cho đến nay, ông X chưa trả cho bà số tiền lãi nào cả.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn X trình bày:

Ông (Nguyễn Văn X) có nhờ bà Dương Thị G mượn giúp ông số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), lãi suất 15%/tháng, ông có thể chấp cho bà G Hợp đồng thu vị trí mặt bằng phố chợ Vĩnh Tân và sổ hộ khẩu bản chính của ông. Sau đó ông có đề nghị bà G cho ông mượn lại hợp đồng thuê vị trí mặt bằng phố chợ Vĩnh Tân để thế chấp chỗ khác với lãi suất thấp hơn rồi ông sẽ trả cho bà G trước số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và 02 tháng tiền lãi là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), số tiền còn lại 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), tháng sau ông lấy thêm bên người cho ông mượn tiền thì ông sẽ trả đủ cho bà G nhưng bà G không đồng ý.

Nay bà G yêu cầu ông trả số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), tổng cộng là 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng), ông đồng ý trả nhưng vì lý do hiện ông chưa có công việc ổn định, nên ông đề nghị sẽ trả hàng tháng với số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng.

Thời điểm ông mượn tiền bà G thì ông và vợ đã ly hôn, vợ ông tên là Nguyễn Thị Thùy Trang, sinh năm 1973 (nay vợ ông đã có gia đình riêng).

Từ lúc vay tiền của bà G, ông chưa trả cho bà G số tiền nào, cả tiền gốc và tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của bà Dương Thị G có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Văn X có địa chỉ tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phía bà G và ông X đều xác định khi ông X vay tiền bà G thì ông X đã ly hôn vợ là bà Nguyễn Thị Thùy T và bà G cũng không yêu cầu bà Trang trả tiền nên Hội đồng xét xử không đưa bà Trang vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Dương Thị G về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn X phải trả cho bà G số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), tổng cộng 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Ngày 15/8/2020 bà G có cho ông X vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 03 tháng, ông X cũng thừa nhận có vay của bà G số tiền trên nên việc bà G yêu cầu ông X trả số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) là có căn cứ.

Xét việc bà G yêu cầu ông X trả tiền lãi là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án ông X cũng đồng ý trả số tiền lãi trên cho bà G.

Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...*”. Mặc dù tại giấy mượn tiền không ghi tiền lãi nhưng tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận có thỏa thuận tiền lãi là 15%/tháng nên tiền lãi được tính lại từ tháng 8/2020 đến tháng 6/2022 là 01 năm 10 tháng với mức lãi suất 20%/năm, thành tiền là 18.333.333đ. (Mười tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Như vậy việc bà G yêu cầu ông X trả tiền lãi 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) là có lợi cho phía ông X nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, hai bên đều thừa nhận ông X chưa trả cho bà G số tiền lãi nào nên Hội đồng xét xử không xét.

Như vậy tổng cộng số tiền buộc ông X phải trả cho bà G là 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông X xin trả dần 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng nhưng bà X không đồng ý và yêu cầu trả một lần trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy việc vay tiền diễn ra từ tháng 8/2020, thời hạn vay tiền đến tháng 11/2020 nhưng đến nay ông X chưa trả số tiền nào cho bà G nên việc bà G yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Tại phiên tòa bà G tự nguyện trả lại cho ông X bản chính sổ hộ khẩu của ông X và bản chính hợp đồng thuê vị trí mặt bằng phố chợ Vĩnh Tân của ông X, xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của bà G được chấp nhận nên ông X phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Bà G không nộp tạm ứng án phí do là người cao tuổi nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Dương Thị G.

Buộc ông Nguyễn Văn X phải có nghĩa vụ trả cho bà G số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), tổng cộng là 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Công nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị G về việc trả lại cho ông Nguyễn Văn X bản chính sổ hộ khẩu của ông X và bản chính hợp đồng thuê vị trí mặt bằng phố chợ Vĩnh Tân của ông X, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí:

Ông X phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.250.000đ (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương